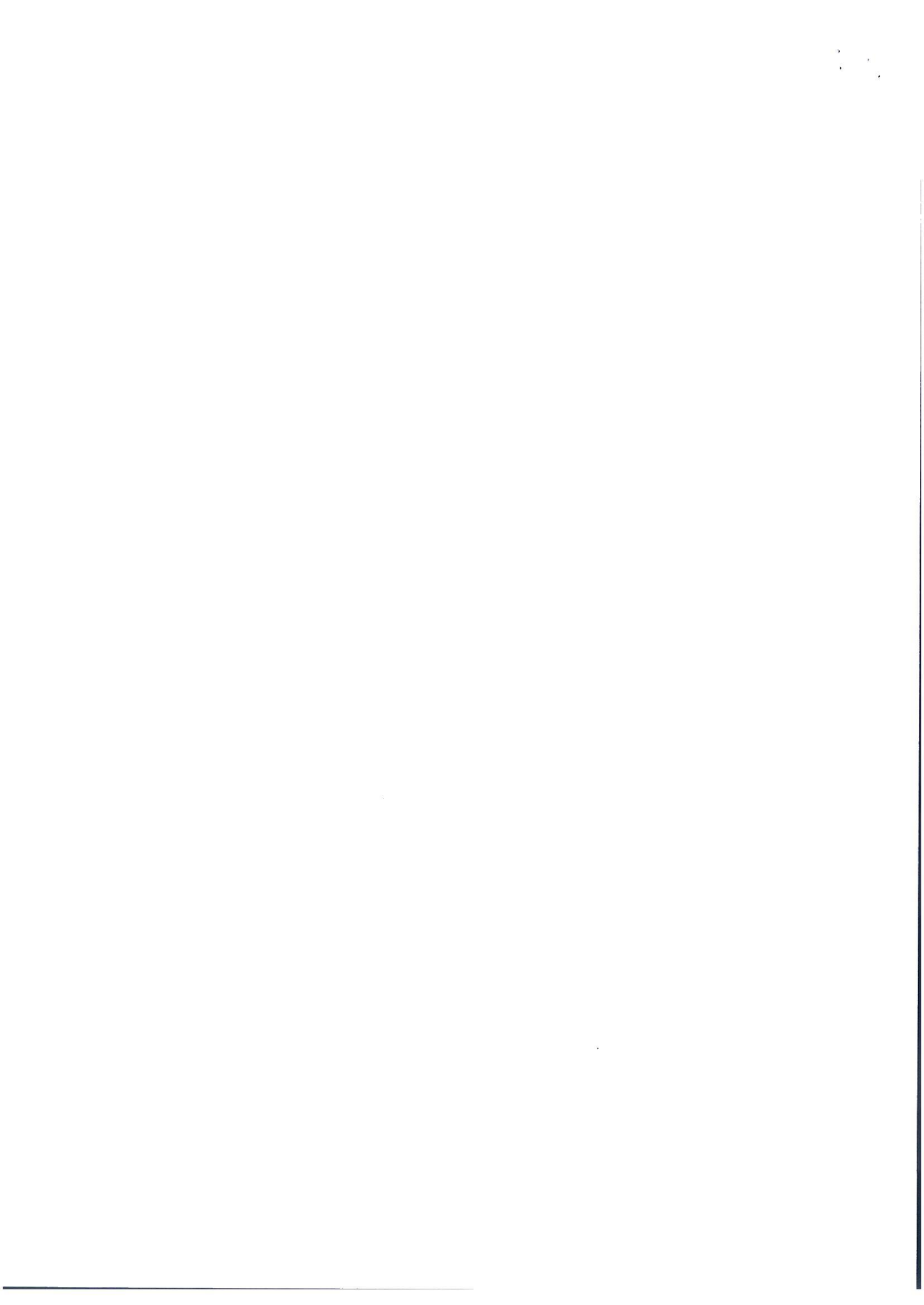
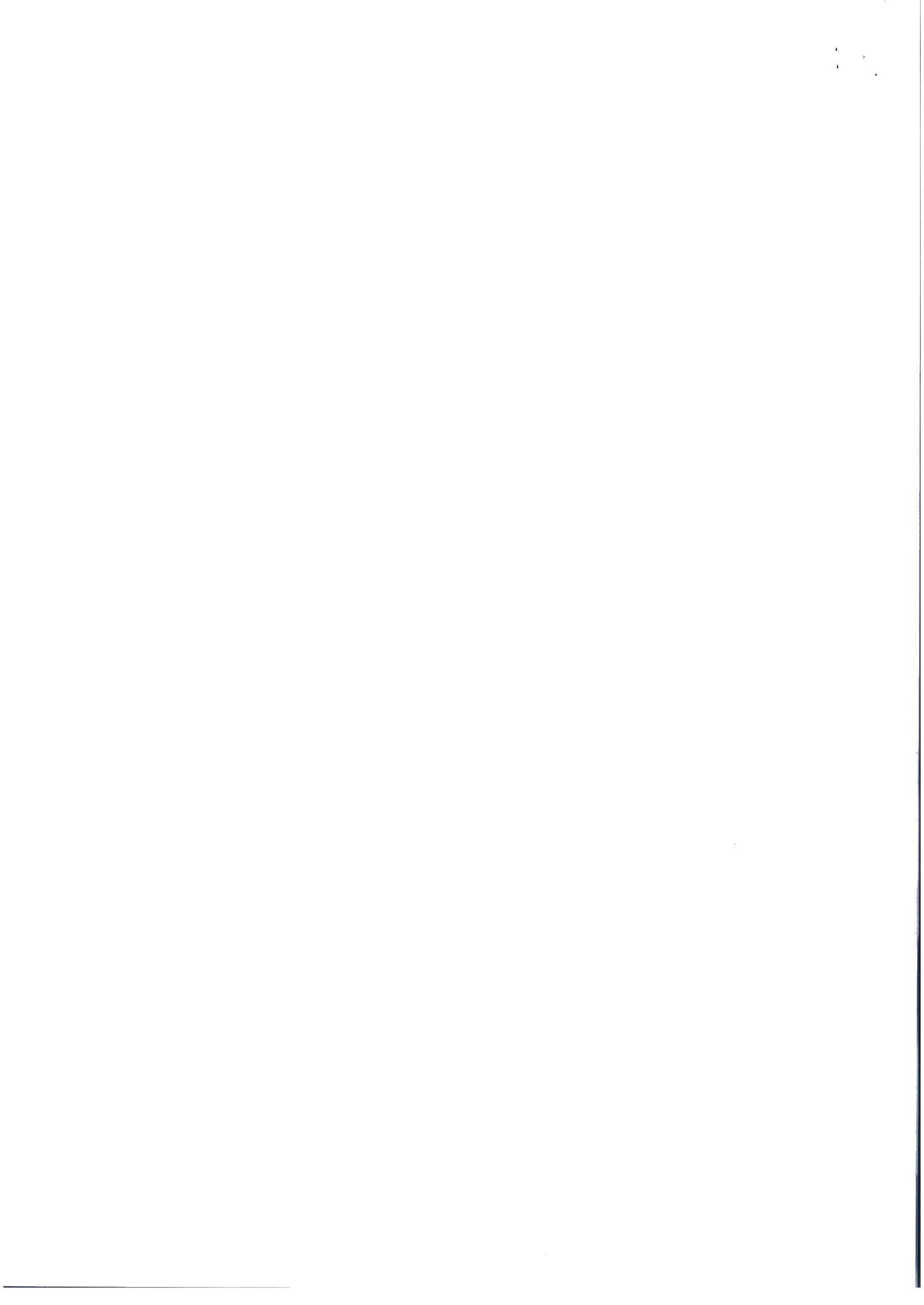


BỘ CÔNG THƯƠNG

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA
NĂNG LỰC SẢN XUẤT
CỦA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP**

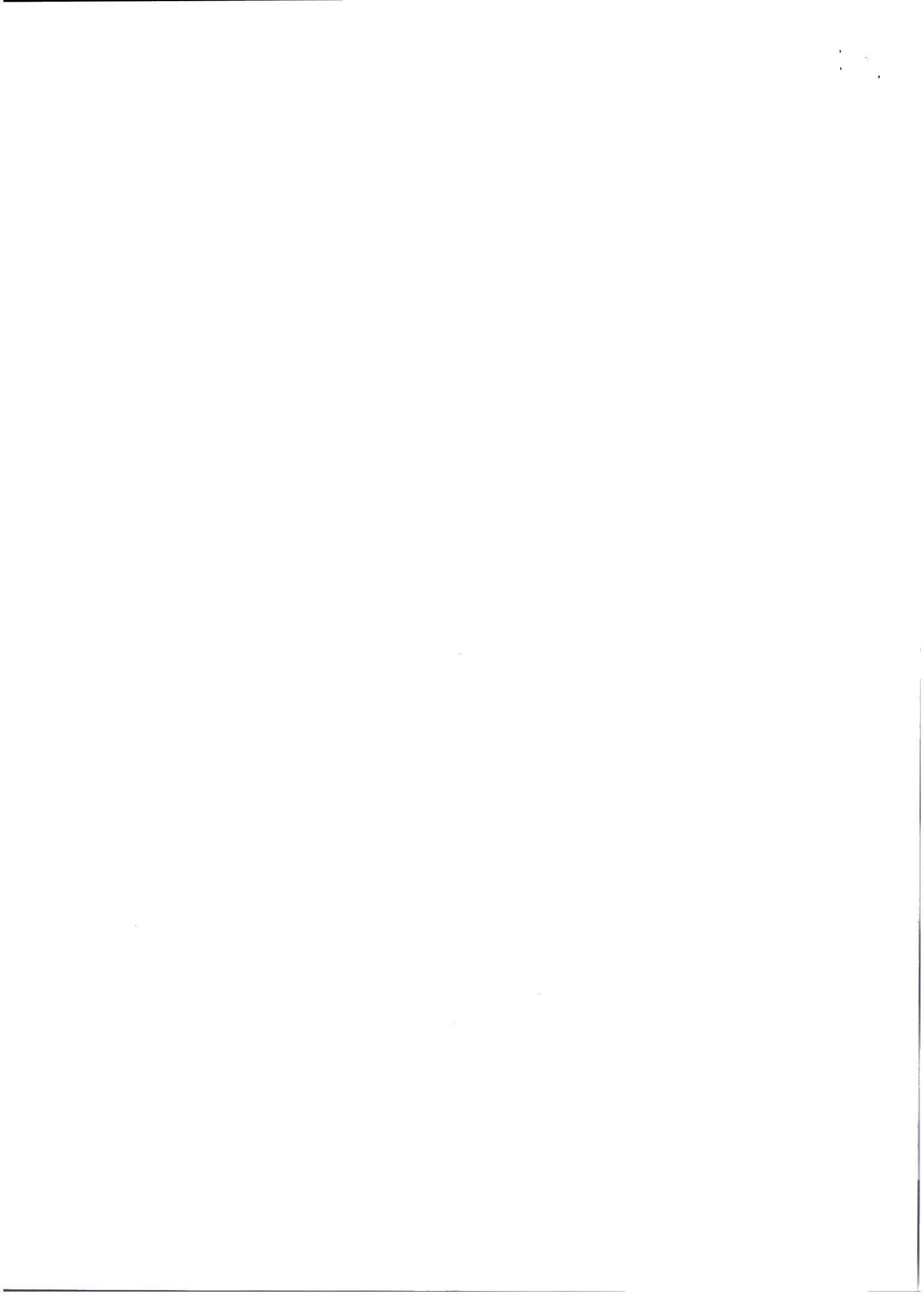
Hà Nội, năm 2024





BIỂU 7. NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂM 2022

TT	SẢN PHẨM	Mã sản phẩm	Đơn vị tính của sản phẩm	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực sản xuất theo thiết kế	Sản lượng sản xuất thực tế
A	B	C	D	I	2	3
	SẢN PHẨM KHAI KHOÁNG					
1	Than cứng					
2	Dầu thô khai thác					
3	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng					
4	Khí tự nhiên dạng khí					
	SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO					
5	Thịt hộp					
6	Thủy sản đóng hộp					
7	Rau, quả đóng hộp					
8	Dầu, mỡ thực vật chế biến					
9	Sữa					
10	Đường thô và đường tinh luyện, đường mật					
...					
	Xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ					
	ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ					
	Điện sản xuất					



BIỂU 8. NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂM 2023

TT	SẢN PHẨM	Mã sản phẩm	Đơn vị tính của sản phẩm	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực sản xuất theo thiết kế	Sản lượng sản xuất thực tế
A	B	C	D	I	2	3
	SẢN PHẨM KHAI KHOÁNG					
1	Than cứng					
2	Dầu thô khai thác					
3	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng					
4	Khí tự nhiên dạng khí					
	SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO					
5	Thịt hộp					
6	Thủy sản đóng hộp					
7	Rau, quả đóng hộp					
8	Dầu, mỡ thực vật chế biến					
9	Sữa					
10	Đường thô và đường tinh luyện, đường mật					
...					
77	Xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ					
	ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ					
78	Điện sản xuất					

BIỂU 9. DỰ KIẾN NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂM 2024

TT	SẢN PHẨM	Mã sản phẩm	Đơn vị tính của sản phẩm	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực sản xuất theo thiết kế	Sản lượng sản xuất thực tế
A	B	C	D	I	2	3
	SẢN PHẨM KHAI KHOÁNG					
1	Than cứng					
2	Dầu thô khai thác					
3	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng					
4	Khí tự nhiên dạng khí					
	SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO					
5	Thịt hộp					
6	Thủy sản đóng hộp					
7	Rau, quả đóng hộp					
8	Dầu, mỡ thực vật chế biến					
9	Sữa					
10	Đường thô và đường tinh luyện, đường mật					
...					
	Xe đạp và các loại xe đạp khác không có động cơ					
	ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ					
	Điện sản xuất					

BỘ CÔNG THƯƠNG

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA
NĂNG LỰC SẢN XUẤT
CỦA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Hà Nội, năm 2024

**HƯỚNG DẪN GHI
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP**

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều cơ sở kinh tế trực thuộc (kể cả hạch toán riêng và hạch toán phụ thuộc) mà các cơ sở kinh tế đó có địa điểm khác tỉnh, thành phố với địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp: Doanh nghiệp chỉ kê khai số liệu của trụ sở chính, không kê khai số liệu của cơ sở kinh tế, chi nhánh đóng tại tỉnh, thành phố khác.

2. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều cơ sở kinh tế trực thuộc (kể cả hạch toán riêng và hạch toán phụ thuộc) có hoạt động sản xuất công nghiệp trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố với trụ sở chính của doanh nghiệp: Doanh nghiệp chỉ ghi 01 Phiếu thu thập thông tin cho toàn bộ các cơ sở kinh tế trong cùng địa bàn.

3. Trường hợp cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp (kể cả hạch toán riêng hoặc hạch toán phụ thuộc) có hoạt động sản xuất công nghiệp khác tỉnh, thành phố với địa điểm của trụ sở chính doanh nghiệp: Cơ sở có hoạt động sản xuất công nghiệp ở tỉnh, thành phố nào sẽ kê khai số liệu của cơ sở tại địa phương đó.

4. Trường hợp cơ sở kinh tế, chi nhánh của doanh nghiệp (kể cả hạch toán riêng và hạch toán phụ thuộc) đăng ký thành lập hoặc có trụ sở ở tỉnh, thành phố này nhưng có hoạt động sản xuất công nghiệp tại tỉnh, thành phố khác: Cơ sở có hoạt động sản xuất công nghiệp ở tỉnh, thành phố nào thì sẽ kê khai số liệu tại địa phương đó.

II. GIẢI THÍCH NỘI DUNG CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

1. Tên doanh nghiệp/cơ sở kinh tế

1.1. Tên doanh nghiệp/cơ sở kinh tế

Ghi tên doanh nghiệp hoặc tên cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp như trong giấy đăng ký kinh doanh (*Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu*).

1.2. Mã số thuế

Ghi mã số thuế của doanh nghiệp (mã 10 số) hoặc cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp (mã 13 số).

2. Địa chỉ doanh nghiệp/cơ sở kinh tế

2.1. Địa chỉ doanh nghiệp/cơ sở kinh tế

Ghi đầy đủ tỉnh/thành phố, huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh), xã/phường/thị trấn, thôn/ấp (số nhà, đường phố) của doanh nghiệp.

2.2. Số điện thoại, số fax, địa chỉ email

Ghi đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu có). Trường hợp doanh nghiệp có nhiều số điện thoại, fax, địa chỉ email thì ghi số điện thoại, số fax, địa



chỉ email của bộ phận chịu trách nhiệm đầu mối thực hiện phiếu điều tra này hoặc bộ phận hành chính của doanh nghiệp.

3. Loại hình doanh nghiệp

Khoanh tròn vào một chữ số phù hợp với loại hình tương ứng của doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023.

4. Ngành hoạt động sản xuất chính

Ghi tên ngành sản xuất chính của doanh nghiệp đang sản xuất theo ngành cấp 5. Ngành sản xuất chính là ngành tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất trong năm 2023.

Trường hợp không xác định được giá trị sản xuất thì dựa vào ngành có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng lao động nhiều nhất trong năm 2023.

5. Giải thích chỉ tiêu ghi trong Phiếu thu thập thông tin

5.1. Giá trị đầu tư

Trong phạm vi cuộc điều tra này, giá trị đầu tư là toàn bộ số tiền chi tiêu ban đầu để đầu tư cho mua sắm, sửa chữa lớn máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất và số tiền chi bổ sung hàng năm cho việc làm tăng năng lực sản xuất sản phẩm theo mục đích đầu tư của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp nhằm sau một chu kỳ hoạt động hoặc sau một thời gian nhất định thu về một giá trị lớn hơn giá trị vốn đã bỏ ra ban đầu.

- Giá trị đầu tư được ghi theo nguyên giá.

- *Không tính giá trị đầu tư nhà xưởng, vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng phục vụ gián tiếp cho sản xuất (đường, cầu, cống, cảng, ...).*

- Giá trị đầu tư chỉ được tính khi máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sản xuất trong năm, bao gồm:

+ Giá trị đầu tư mua sắm, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất.

+ Giá trị đầu tư sửa chữa, nâng cấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất.

+ Giá trị đầu tư phục vụ chạy thử, bảo trì, bảo dưỡng, phụ tùng thay thế.

5.2. Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp

5.2.1. Mục đích, ý nghĩa

Chỉ tiêu năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp phản ánh khả năng sản xuất và thực tế sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp, làm căn cứ để xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sản xuất ngắn hạn, dài hạn của sản phẩm công nghiệp nói riêng và ngành công nghiệp nói chung.

5.2.2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính

Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp là khối lượng của những sản phẩm công nghiệp quan trọng đối với nền kinh tế và nhu cầu tiêu dùng của dân cư mà ngành công nghiệp có thể sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định.

Năng lực sản xuất của một sản phẩm thường được thể hiện ở sản phẩm cuối cùng của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất và biểu hiện bằng khối lượng thành phẩm được sản xuất ra theo năng lực sản xuất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất thực tế.

- *Năng lực sản xuất theo thiết kế*: Căn cứ công suất thiết kế của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện có, trong điều kiện doanh nghiệp tổ chức sản xuất bình thường, áp dụng quy trình công nghệ theo thiết kế, sử dụng đầy đủ và hợp lý nhất tư liệu sản xuất thì năng lực sản xuất theo thiết kế là khả năng sản xuất cao nhất của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất đó.

Khi tính năng lực sản xuất theo thiết kế phải căn cứ vào hồ sơ hoặc lý lịch của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất khi mua hoặc xây dựng, trong đó có ghi công suất sản xuất theo thiết kế. Trường hợp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất được nâng cấp mở rộng làm tăng thêm năng lực sản xuất, thì năng lực sản xuất theo thiết kế là năng lực sản xuất sau khi đã được mở rộng (gồm năng lực sản xuất theo thiết kế ban đầu cộng (+) năng lực sản xuất theo thiết kế tăng thêm do đầu tư nâng cấp mở rộng).

- *Sản lượng sản xuất thực tế*: Là khối lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất ra trong kỳ trong điều kiện thực tế hiện có về máy móc, thiết bị; nguồn nhân lực; nguồn tài chính và nguồn lực khác.

Khi tính chỉ tiêu này phải căn cứ vào số lượng sản phẩm hiện vật thực tế đã sản xuất ra của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất trong một thời gian nhất định (thường theo thời gian của năng lực sản xuất thiết kế quy định).

5.2.3. Phân tổ chủ yếu

- Theo tỉnh, thành phố;
- Theo ngành kinh tế, theo loại hình kinh tế;
- Theo sản phẩm chủ yếu;
- Theo doanh nghiệp.

5.2.4. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của Bộ Công Thương; Chương trình điều tra thống kê quốc gia của Bộ Công Thương.

III. HƯỚNG DẪN NHẬP MÃ, GHI PHIẾU VÀ KIỂM TRA PHIẾU

Mục này quy định cụ thể các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp (gọi tắt là Đơn vị điều tra) và cán bộ Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Cán bộ điều tra) thực hiện ghi Phiếu thu thập thông tin như sau:

* Mục “Phiếu điều tra số”:

Cán bộ điều tra đánh số thứ tự Phiếu thu thập thông tin như sau:

Hai chữ số đầu ghi mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngăn cách bởi dấu “.”, chữ số tiếp theo là số thứ tự Đơn vị điều tra theo Danh sách đơn vị điều tra của Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký.

Ví dụ: Sở Công Thương thành phố Hà Nội có số lượng đơn vị điều tra là 100 đơn vị → Cán bộ điều tra sẽ ghi mã là 01.001, trong đó 01 là mã đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội; 001 là số thứ tự của đơn vị điều tra trong Danh sách đơn vị điều tra.

*** Mục “Mã doanh nghiệp”:**

Mã doanh nghiệp do Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương ghi mã tương ứng với tên doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp theo Danh sách đơn vị điều tra.

1. Tên doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế

- Đơn vị điều tra ghi tên doanh nghiệp/tên cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp như trong Giấy đăng ký kinh doanh (*Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu*).

- Mã số thuế: Ghi mã số thuế của doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp. Mỗi số của mã được ghi rõ ràng vào một ô vuông.

2. Địa chỉ doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế

2.1. Địa chỉ doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế

- Đơn vị điều tra ghi đầy đủ tỉnh/thành phố, huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh), xã/phường/thị trấn, thôn/ấp (số nhà, đường phố) của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp.

- Trên cơ sở địa chỉ doanh nghiệp, cán bộ điều tra đánh mã hành chính tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh), xã/phường/thị trấn, thôn/ấp (số nhà, đường phố) của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp.

Ví dụ: Doanh nghiệp có địa chỉ tại Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, cán bộ điều tra ghi mã tương ứng như sau:

Dòng “Tỉnh/thành phố” ghi mã hành chính tỉnh là 19, dòng “Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)” ghi mã hành chính của thành phố Thái Nguyên là 164, dòng “Xã/phường/thị trấn” ghi mã 05500. Mỗi số của mã được ghi rõ ràng vào một ô vuông.

2.2. Số điện thoại, số fax, địa chỉ email

Đơn vị điều tra ghi đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu có). Trường hợp doanh nghiệp có nhiều số điện thoại, fax, địa chỉ email thì ghi số điện thoại, số fax, địa chỉ email của bộ phận chịu trách nhiệm đầu mối thực hiện Phiếu thu thập thông tin này hoặc bộ phận hành chính của doanh nghiệp.

3. Loại hình doanh nghiệp

Đơn vị điều tra khoanh tròn vào một chữ số phù hợp với loại hình tương ứng của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023.

4. Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính

- Đơn vị điều tra ghi tên ngành sản xuất chính của doanh nghiệp đang sản xuất. Ngành sản xuất chính là ngành tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất năm 2023.

Trường hợp không xác định được giá trị sản xuất thì dựa vào ngành có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng lao động nhiều nhất.

- Cán bộ điều tra căn cứ vào ngành sản xuất kinh doanh chính mà doanh nghiệp ghi để ghi mã tương ứng theo VSIC 2018 - cấp 5 trong tài liệu kèm theo (Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ).

Ví dụ: Ngành sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp là sản xuất và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa → Cán bộ điều tra ghi mã tương ứng là 10500.

5. Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp

Căn cứ nội dung chi tiêu “Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp” được quy định tại phần Giải thích các chỉ tiêu trong Phiếu thu thập thông tin Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp, Đơn vị điều tra ghi cụ thể:

5.1. Cột “A”

Tên sản phẩm: Đơn vị điều tra căn cứ cột Nội dung sản phẩm trong Danh mục sản phẩm điều tra (kèm theo Phiếu thu thập thông tin) ghi tên sản phẩm công nghiệp mà doanh nghiệp đang sản xuất mã cấp 6, cấp 7.

Mỗi sản phẩm ghi tương ứng một dòng. Tên sản phẩm được ghi đầy đủ theo Danh mục sản phẩm điều tra.

5.2. Cột “B”

Mã sản phẩm: Đơn vị điều tra ghi theo mã sản phẩm cấp 6, cấp 7 tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

Ví dụ:

- Sản phẩm “Thuốc lá điếu” có mã sản phẩm cấp 6 và cấp 7: Đơn vị điều tra ghi mã theo cấp 7, tương ứng là 1200102.

- Sản phẩm “Sợi xe từ sợi tơ tằm” có mã sản phẩm đến cấp 7: Đơn vị điều tra ghi mã theo cấp 7, tương ứng là 1311021.

5.3. Cột “C”

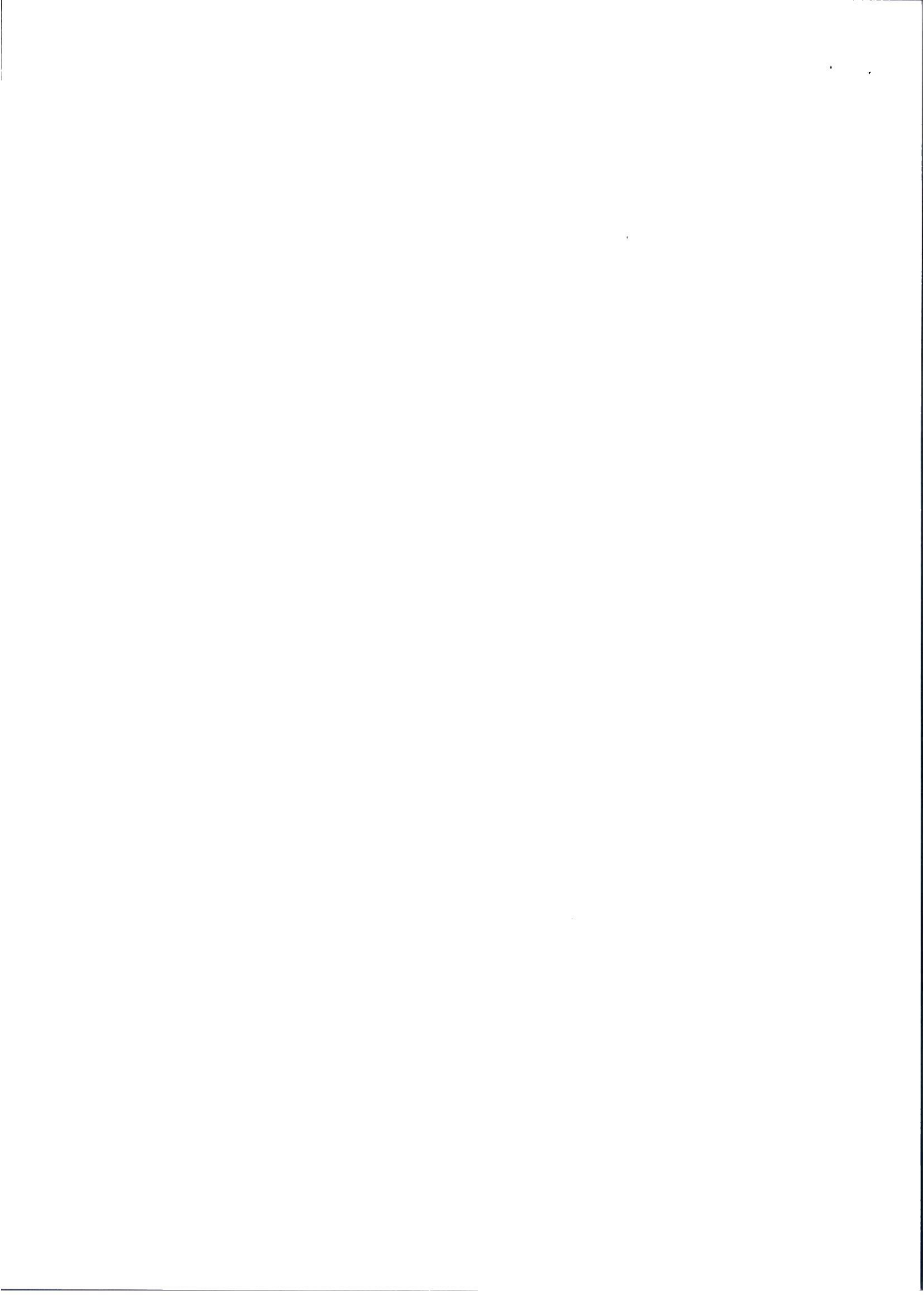
Đơn vị tính sản phẩm: Đơn vị điều tra ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

5.4. Cột “Năng lực sản xuất hiện có đến 31 tháng 12 năm 2022”

- *Cột 1 (Giá trị đầu tư):* Đơn vị điều tra ghi toàn bộ giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất tạo ra năng lực sản xuất của từng sản phẩm theo thiết kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

+ Giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất được tính theo nguyên giá, bao gồm toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu và giá trị đầu tư tăng thêm do đầu tư nâng cấp mở rộng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ví dụ: Sản phẩm “Thuốc lá điếu” có dây chuyền sản xuất được đầu tư ban đầu tính đến 31 tháng 12 năm 2021 là 1.000 tỷ đồng. Đến năm 2022 được đầu tư



nâng cấp, mở rộng thêm 50 tỷ đồng (giá trị đầu tư tăng thêm đó có làm thay đổi năng lực sản xuất theo thiết kế). Như vậy, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị đầu tư của dây chuyền sản xuất sản phẩm “Thuốc lá điều” là 1.000 tỷ đồng + 50 tỷ đồng = 1.050 tỷ đồng.

+ Đơn vị tính của giá trị đầu tư: Tỷ đồng.

+ Không ghi giá trị đầu tư phân tăng thêm cho trường hợp đầu tư sửa chữa hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất nhưng không làm tăng năng lực sản xuất.

- *Cột 2 (Năng lực sản xuất theo thiết kế)*: Đơn vị điều tra ghi năng lực sản xuất theo thiết kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (khối lượng sản phẩm/năm).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Đơn vị điều tra ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

+ Trường hợp trong hồ sơ hoặc lý lịch của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất không ghi đúng đơn vị tính: Đơn vị điều tra quy đổi sang đơn vị tính tương ứng với đơn vị tính của sản phẩm trong Danh mục sản phẩm điều tra.

- *Cột 3 (Sản lượng sản xuất thực tế)*: Đơn vị điều tra ghi sản lượng sản xuất thực tế trong năm 2022 (ghi khối lượng sản phẩm sản xuất chính thức trong năm 2022).

+ Khối lượng sản phẩm chính thức là khối lượng sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp, gồm: Sản phẩm sản xuất từ nguyên, vật liệu của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế và sản phẩm làm gia công cho bên ngoài bằng nguyên liệu, vật liệu do khách hàng đưa đến (không tính những sản phẩm do bên ngoài gia công cho doanh nghiệp, cơ sở kinh tế).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

Lưu ý:

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được thành lập và bàn giao trước ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhưng chưa đi vào sản xuất: Từ Cột 1 đến Cột 3 đánh dấu “x”.

5.5. Cột “Năng lực sản xuất hiện có đến 31 tháng 12 năm 2023”

(Ghi tương tự như Cột “Năng lực sản xuất hiện có đến 31 tháng 12 năm 2022”).

- *Cột 4 (Giá trị đầu tư)*: Đơn vị điều tra ghi toàn bộ giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất tạo ra năng lực sản xuất của từng sản phẩm theo thiết kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

+ Giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất được tính theo nguyên giá, bao gồm toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu và giá trị đầu tư tăng thêm do đầu tư nâng cấp mở rộng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ví dụ: Sản phẩm “Thuốc lá điều” đầu tư dây chuyền sản xuất tính đến 31 tháng 12 năm 2022 là 1.050 tỷ đồng. Đến năm 2023 được đầu tư nâng cấp, mở

rộng thêm 100 tỷ đồng (giá trị đầu tư tăng thêm đó có làm thay đổi năng lực sản xuất theo thiết kế). Như vậy, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị đầu tư của dây chuyền sản xuất sản phẩm “Thuốc lá điếu” là 1.050 tỷ đồng + 100 tỷ đồng = 1.150 tỷ đồng.

+ Đơn vị tính của giá trị đầu tư: Tỷ đồng.

+ *Không ghi giá trị đầu tư phân tăng thêm cho trường hợp đầu tư sửa chữa hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất nhưng không làm tăng năng lực sản xuất.*

- *Cột 5 (Năng lực sản xuất theo thiết kế):* Đơn vị điều tra ghi năng lực sản xuất theo thiết kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (khối lượng sản phẩm/năm).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Đơn vị điều tra ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

+ Trường hợp trong hồ sơ hoặc lý lịch của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất không ghi đúng đơn vị tính: Đơn vị điều tra quy đổi sang đơn vị tính tương ứng với đơn vị tính của sản phẩm trong Danh mục sản phẩm điều tra.

- *Cột 6 (Sản lượng sản xuất thực tế):* Đơn vị điều tra ghi sản lượng sản xuất thực tế trong năm 2023 (ghi khối lượng sản phẩm sản xuất chính thức trong năm 2023).

+ Khối lượng sản phẩm chính thức là khối lượng sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp, gồm: Sản phẩm sản xuất từ nguyên, vật liệu của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế và sản phẩm làm gia công cho bên ngoài bằng nguyên liệu, vật liệu do khách hàng đưa đến (không tính những sản phẩm do bên ngoài gia công cho doanh nghiệp, cơ sở kinh tế).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

Lưu ý:

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được thành lập và bàn giao trước ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhưng đến 01 tháng 01 năm 2023 hoặc thời điểm bất kỳ trong năm 2023 mới đi vào sản xuất được ghi theo hướng dẫn trên.*

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được thành lập và bàn giao trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng chưa đi vào sản xuất: Từ Cột 1 đến Cột 6 đánh dấu “x”.*

5.6. Cột “Dự kiến năng lực sản xuất hiện có đến 31 tháng 12 năm 2024”

- *Cột 7 (Giá trị đầu tư):* Đơn vị điều tra ghi dự kiến toàn bộ giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất tạo ra năng lực sản xuất của từng sản phẩm theo thiết kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

+ Giá trị đầu tư của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất được tính theo nguyên giá, bao gồm toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu và dự kiến giá trị đầu tư tăng thêm do đầu tư nâng cấp mở rộng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ví dụ: Sản phẩm “Thuốc lá điều” đầu tư dây chuyền sản xuất tính đến 31 tháng 12 năm 2023 là 1.150 tỷ đồng. Đến năm 2024 dự kiến được đầu tư nâng cấp, mở rộng thêm 300 tỷ đồng (giá trị đầu tư tăng thêm đó có làm thay đổi năng lực sản xuất theo thiết kế). Như vậy, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự kiến giá trị đầu tư của dây chuyền sản xuất sản phẩm “Thuốc lá điều” là 1.150 tỷ đồng + 300 tỷ đồng = 1.450 tỷ đồng.

+ Đơn vị tính của giá trị đầu tư: Tỷ đồng.

+ Không ghi giá trị đầu tư phân tăng thêm cho trường hợp đầu tư sửa chữa hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất nhưng không làm tăng năng lực sản xuất.

- *Cột 8 (Năng lực sản xuất theo thiết kế):* Đơn vị điều tra ghi dự kiến năng lực sản xuất theo thiết kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (khối lượng sản phẩm/1 năm).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Đơn vị điều tra ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

+ Trường hợp trong hồ sơ hoặc lý lịch của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất không ghi đúng đơn vị tính: Đơn vị điều tra quy đổi sang đơn vị tính tương ứng với đơn vị tính của sản phẩm trong Danh mục sản phẩm điều tra.

- *Cột 9 (Sản lượng sản xuất thực tế):* Đơn vị điều tra ghi dự kiến sản lượng sản xuất thực tế trong năm 2024 (dự kiến khối lượng sản phẩm sản xuất chính thức trong năm 2024).

+ Khối lượng sản phẩm chính thức là khối lượng sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp, gồm: Sản phẩm sản xuất từ nguyên, vật liệu của doanh nghiệp, cơ sở kinh tế và sản phẩm làm gia công cho bên ngoài bằng nguyên liệu, vật liệu do khách hàng đưa đến (không tính những sản phẩm do bên ngoài gia công cho doanh nghiệp, cơ sở kinh tế).

+ Đơn vị tính sản phẩm: Ghi đúng theo đơn vị tính của sản phẩm tương ứng trong Danh mục sản phẩm điều tra.

Lưu ý:

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế trực thuộc doanh nghiệp được thành lập và bàn giao trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng đến 01 tháng 01 năm 2024 hoặc thời điểm bất kỳ trong năm 2024 mới đi vào sản xuất được ghi theo hướng dẫn trên. Riêng Cột 9 ghi dự kiến sản lượng sản xuất thực tế từ ngày sản xuất đầu tiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024./

